

Ý kiến Khác¹ của một Người Mỹ về Cải cách Giáo dục Bậc cao ở Việt Nam

Neal Koblitz

Khoa Toán, Đại học Washington, Seattle, USA

koblitz@math.washington.edu

Ngày 03 tháng 10 năm 2009

1. Giới thiệu

Đối với những vấn đề quốc tế quan trọng, quan điểm của người Mỹ thường bị chia rẽ một cách sâu sắc. Vào những năm sáu mươi, hàng triệu người Mỹ đã nhiệt tình ủng hộ cho cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Trong số đó không chỉ bao gồm những người không có học thức mà đáng tiếc là còn có cả một số giáo sư của Harvard và các trường đại học khác, họ đã đến Washington để nắm giữ các chức vụ quan trọng trong nội các của Kennedy và Johnson. Cũng trong thời kỳ này, nhiều người Mỹ khác đã phản đối cuộc chiến tranh ở Việt Nam và đã tổ chức các cuộc biểu tình rộng lớn. Người Mỹ không nói chung một giọng.

Mục đích của bài viết này là để trao đổi về một tài liệu có tên là “Giáo dục bậc cao ở Việt Nam: Khủng hoảng và phản ứng.”² Bài viết này có tiêu đề của Viện Ash thuộc Trường Harvard Kennedy, và tên của Thomas Vallely cùng trợ lý của ông ta là Ben Wilkinson. Tôi sẽ gọi tài liệu này một cách ngắn gọn là “báo cáo Vallely.”

Báo cáo Vallely được viết với quan điểm tương tự như một báo cáo trước đây về Giáo dục bậc cao ở Việt Nam dưới sự bảo trợ của Viện Hàn Lâm Hoa Kỳ.³ Vào năm 2008 tôi đã có một bài bình luận về tài liệu đó.⁴ Trong bài viết này, tôi sẽ không nhắc lại những điểm mà tôi đã nêu ra trong bài viết trước.

Những khó khăn của Việt Nam trong giáo dục bậc cao là rất phức tạp và cũng khá tương đồng với những vấn đề gặp phải ở các nước khác, đặc biệt là ở Thế Giới Thứ Ba. Bài viết này không nhằm phân tích toàn diện vấn đề đó. Mục đích của tôi là xem xét câu hỏi này trong bối cảnh lịch sử, và cảnh báo các nhà toán học, các nhà khoa học và các quan chức của Việt Nam cần phải hết sức thận trọng trước những phân tích và kiến nghị của các đại diện của những tổ chức Hoa Kỳ kiểu như là Viện Ash.

2. Lịch sử

2.1. Thời kỳ đầu

1 Nguyên bản: A second opinion – thường dùng trong ngữ cảnh một bệnh nhân không hài lòng với chẩn đoán của bác sĩ quyết định đến gặp một bác sĩ khác để có một “ý kiến thứ hai” về bệnh tình của mình.
2 <http://www.hks.harvard.edu/innovations/asia/Documents/HigherEducationOverview112008.pdf>
3 http://home.vef.gov/download/Report_on_Undergrad_Educ_V.pdf
4 http://www.viet-studies.info/Neal_Koblitz_article-vietnamese.pdf

Sau chuyến thăm Việt Nam lần đầu tiên của tôi vào năm 1978, tôi đã viết một bản báo cáo⁵ trong đó tôi có bình luận về sự kính trọng đối với tri thức như là một phần trong văn hoá Việt Nam từ thời xa xưa.

Có thể giải thích phần nào cho địa vị cao quý của những học giả trong truyền thống của người Việt. Trường Đại học Quốc tử giám cổ kính, được thành lập vào năm 1076, luôn là một địa điểm hấp dẫn khách du lịch tới Hà Nội... Tấm bia đá dựng năm 1463 có khắc tên của Lương Thế Vinh, người mà bên cạnh sự nghiệp văn chương còn được coi là một trong những nhà hình học đầu tiên của Việt Nam.

Những truyền thống đó cũng có thể giải thích được phần nào vì sao trong số các sinh viên từ các nước đang phát triển theo học tại Mátxcova thì sinh viên Việt Nam có lẽ là những người làm việc chăm chỉ nhất và thành công nhất. Có thể là các nhà toán học trẻ của Việt Nam từ Mátxcova, khi quay trở về quê hương sau khi hoàn thành khoá học sau đại học, cũng trải qua những cảm xúc hân hoan, vui sướng giống như cha ông mình sau khi thi đỗ trong các kỳ thi của triều đình.

Tuy nhiên trong thời kỳ thực dân, người Pháp đã thất bại trong việc phát triển giáo dục bậc cao. Báo cáo Valley đã có một phân tích chính xác về vấn đề này:

Những vấn đề mà Việt Nam đang phải đối đầu trong hệ thống giáo dục đại học ngày nay một phần là do hậu quả của lịch sử cận đại bi thảm của đất nước. Chế độ thực dân Pháp cai trị Việt Nam trong nửa sau thế kỷ 19 cho đến năm 1945 đã đầu tư rất ít, ngay cả khi so sánh với các thế lực thực dân khác, vào hệ thống giáo dục đại học. Hậu quả là Việt Nam đã bỏ lỡ mất cơ hội khi làn sóng cách tân thể chế giáo dục đại học quét qua phần lớn lục địa Châu Á trong những thập niên đầu của thế kỷ 20, và nhiều cơ sở giáo dục bậc cao hàng đầu trong khu vực được thành lập vào thời điểm này. Hậu quả là sau khi thu hồi độc lập, Việt Nam chỉ có một thể chế giáo dục đại học rất yếu kém để làm nền móng xây dựng (Đây là một điểm tương phản rõ rệt so với Trung Quốc, nơi mà, cho đến ngày nay, phần lớn các trường đại học hàng đầu đã được thành lập từ rất lâu trước cách mạng).

Mặc dù báo cáo Valley đã có lý khi phê bình nặng nề người Pháp, nhưng mối quan hệ giữa Pháp và Việt Nam cũng có những khía cạnh tích cực. Một số những trí thức hàng đầu của Việt Nam (như các nhà toán học Lê Văn Thiêm và Nguyễn Đình Ngọc) đã tu nghiệp ở Pháp và khi trở về đã có những đóng góp to lớn cho Việt Nam. Sau đó, đặc biệt trong thời gian chiến tranh với Mỹ, một số nhà toán học và khoa học nổi tiếng nhất của Pháp (như A. Grothendieck, L. Schwartz, và P. Cartier) đã đến thăm và giảng bài tại Việt Nam và đã cố gắng giúp đỡ các đồng nghiệp của họ. Người sáng lập ra Ủy ban Hoa Kỳ về Hợp tác Khoa học với Việt Nam - Ed Cooperman (ông đã bị ám sát ở California đúng vào tháng này 25 năm trước), đã từng làm việc

5 A mathematical visit to Hanoi, *The Mathematical Intelligencer*, 2 (1979), no. 1, pp. 38-42

một năm ở Pháp trong những năm 1970 và đã có những ấn tượng sâu sắc đối với các hoạt động của các nhà khoa học Pháp trong phong trào ủng hộ Việt Nam, để từ đó thôi thúc ông xây dựng một nhóm tương tự như vậy ở Hoa Kỳ.

Tại thời điểm cam go nhất của cuộc chiến tranh với Pháp, các lớp học nâng cao vẫn được tổ chức, tại Liên khu Bốn do Nguyễn Thúc Hào phụ trách, tại khu vực phía tây Hà Nội do Nguyễn Xiển đảm nhiệm và ở gần biên giới với Trung Quốc do Lê Văn Thiêm chỉ đạo. Cũng trong cùng thời kỳ này, một cuốn sách giáo khoa về hình học do Hoàng Tụy biên soạn đã được xuất bản tại nhà xuất bản của Việt Minh. Tôi tin rằng đây là cuốn sách toán duy nhất trên thế giới do một phong trào kháng chiến phát hành. Các sự kiện lịch sử này đã được những nhiều nhà toán học biết đến thông qua cuộc phỏng vấn của tôi với Hoàng Tụy.⁶

2.2. 1954-1985

Báo cáo Vallely mô tả khoảng thời gian kể từ sự ra đi của người Pháp đến trước thời kỳ *đổi mới* một cách tiêu cực như là “một kỷ nguyên chế độ xã hội chủ nghĩa độc đoán.” Nhưng chính trong giai đoạn này, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã trực tiếp gặp Grothendieck để thảo luận về sự phát triển toán học của Việt Nam trong tương lai, và một vài năm sau chính ông đã trực tiếp can thiệp mạnh mẽ để xây dựng một tòa nhà nghiêm chỉnh dành cho Viện Toán học Hà Nội. Đây thực sự là một việc làm “độc đoán” của ông, vì theo những gì mà tôi biết, chưa có một ông thủ tướng của một nước tư bản nào từng cương quyết xây dựng một tòa nhà mới dành cho các nhà toán học!

Có thể các độc giả Việt Nam cảm thấy ngạc nhiên vì trong báo cáo Vallely, khi nói về “lịch sử cận đại đầy bi thảm” của Việt Nam, chỉ thấy người Pháp phải gơ đầu chịu báng về chính sách ngược đãi với Việt Nam. Các tác giả dường như đã quên đi toàn bộ giai đoạn từ năm 1954 đến 1975, khi nước Mỹ ban đầu ủng hộ cho các chế độ chuyên chế thối nát ở miền Nam, và sau đó từ năm 1964 đến năm 1975, đã chiếm giữ các tỉnh phía nam và tiến hành một cuộc chiến man rợ chống lại Việt Nam. Không một điều gì người Pháp đã làm có thể so sánh được với sự tàn phá trong giai đoạn này - khi mà tổng số lượng bom đổ xuống miền bắc và miền nam Việt Nam nhiều hơn hẳn bất kỳ một cuộc chiến tranh khác nào trong lịch sử thế giới, kể cả Chiến tranh thế giới thứ II. Tham mưu trưởng không quân, tướng Curtis LeMay, đã mô tả chiến lược của Mỹ ở Việt Nam như sau: “Chúng ta sẽ ném bom và đưa họ trở về thời kỳ đồ đá.”

Tuy nhiên, chỉ một chút tìm hiểu là ta sẽ thấy rõ ràng vì sao phần về “di sản lịch sử” trong báo cáo Vallely lại hoàn toàn không đề cập chút nào tới vai trò của người Mỹ. Tôi được biết qua trang web của viện Ash⁷ rằng trong suốt thời gian này chính ông Vallely đã ở Việt Nam với tư cách như là một thành viên của Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ. Đây là một trong những tổ chức đã gây ra các tội ác chiến tranh chống lại người Việt Nam.

Hơn nữa, văn phòng của ông Vallely lại có liên kết với Trường Đại học Harvard, và điều này cũng có thể giải thích cho sự thiếu vắng những tư liệu liên quan đến vai trò của nước Mỹ trong “giai đoạn lịch sử cận đại đầy bi kịch” của Việt Nam. Mặc dù Harvard đã có nhiều nhà toán học và khoa học lỗi lạc trong danh sách các giáo sư của mình, nhưng không phải mọi điều trong

6 Recollections of mathematics in a country under siege, *The Mathematical Intelligencer*, 12 (1990), no.3, pp 16-34.

7 <http://ashinstitute.harvard.edu/asia/staff>

quá khứ của Harvard đều đáng khen ngợi. Trường đại học này đóng một vai trò lớn trong cuộc chiến tranh của Mỹ. Một vài giáo sư về các lĩnh vực chính trị, như McGeorge Bundy và Samuel Huntington, là những nhà hoạch định chính sách quan trọng. Bundy và Huntington đã tham gia xây dựng và cổ vũ nhiệt thành cho chương trình “Áp chiến lược” nổi tiếng ở miền nam Việt Nam. Chương trình cưỡng bức di dời phần lớn nông dân này do quân đội Mỹ và chế độ bù nhìn thực hiện đã bị lên án là vi phạm luật pháp quốc tế.⁸ Chất Napalm - do Công ty Hoá học Dow sản xuất và được quân đội Mỹ sử dụng để chống lại dân thường ở Việt Nam – được thử nghiệm lần đầu tiên trên sân vận động của Harvard. Vì vậy người ta có thể dễ dàng hiểu được vì sao những người có liên quan tới trường Harvard lại thích giữ im lặng về cuộc chiến tranh của Mỹ và đổ mọi vấn đề của Việt Nam cho người Pháp.

Sự tàn phá của người Mỹ không phải chỉ ở khía cạnh vật chất mà còn cả trên khía cạnh văn hoá, đặc biệt là ở miền nam, nơi đã chịu đựng sự chiếm đóng của quân đội Mỹ trong suốt 11 năm. Tiền bạc của họ đã nuôi sống các tệ nạn như mại dâm, nghiện hút, và tham nhũng với qui mô khủng khiếp. Trong khi vũ khí Mỹ mang lại sự huỷ diệt và chết chóc, thì tiền bạc của Mỹ làm đục ruỗng cơ cấu văn hoá và xã hội Việt Nam ở phía nam vĩ tuyến 17.

Có cả những ảnh hưởng về mặt văn hóa khác, tuy không hiện rõ bằng. Một ví dụ là nhiều năm trước đây, Hoàng Tụy đã nhận xét với tôi rằng trong một cuộc chiến sinh tồn thì các truyền thống mỹ thuật và nghề thủ công sẽ dần dần bị phai nhạt. Và nếu không có sự nỗ lực phi thường của các nhà trí thức và các nhà lãnh đạo Việt Nam - những người trong suốt thời gian Hà Nội bị ném bom vẫn tổ chức giảng dạy đại học và nghiên cứu khoa học ở trong các khu rừng cách xa Thủ đô - thì đời sống khoa học cũng sẽ bị xoá sổ trong thời gian chiến tranh với Mỹ.

3. Đào tạo ở các nước xã hội chủ nghĩa

Hầu hết các nhà toán học và khoa học hàng đầu của Việt Nam ở thế hệ của Hoàng Tụy và thế hệ của tôi đều được đào tạo ở các nước xã hội chủ nghĩa. Theo ấn tượng của tôi thì nhìn chung họ được đào tạo rất tốt. Tôi biết rằng các sinh viên Việt Nam ở Mátxcova có tiếng là làm việc rất chăm chỉ và thông minh, và họ thường được làm việc dưới sự hướng dẫn của các nhà khoa học hàng đầu của Liên xô.

Báo cáo Valley gợi ý rằng các nhà khoa học và các quan chức của Việt Nam, những người đã được đào tạo ở các nước xã hội chủ nghĩa, có năng lực kém hơn so với những người được đào tạo ở phương Tây, và cho rằng chính họ đã ngăn cản sự tiến bộ. Khi đưa ra những cáo buộc này, các tác giả dường như đang muốn tạo nên một cuộc xung đột giữa các nhóm khác nhau ở Việt Nam. Dù cho có các ý kiến khác nhau về khả năng của người Việt, được đào tạo ở các nước xã hội chủ nghĩa hay không xã hội chủ nghĩa - mà theo quan điểm của cá nhân tôi thì ở cả hai nhóm đều có những người có năng lực cao – thì việc tạo nên sự bất đồng giữa một nhóm người Việt Nam này với một nhóm khác cũng không đem lại lợi ích gì.

Nhìn vào những nhận xét mang tính miệt thị của báo cáo Valley về những người Việt Nam được đào tạo bậc cao tại các nước xã hội chủ nghĩa, một câu hỏi tự nhiên được đặt ra là:

8 Điều này được xem như một tội ác chống lại loài người theo Điều 7(d) của Bộ luật của Tòa án Tội ác Quốc tế

Các tác giả của bản báo cáo này có những phẩm chất, trình độ nào để có thể cho phép họ đưa ra những phán xét tiêu cực như vậy?

Theo trang web của viện Ash thì trước khi trở thành giám đốc của chương trình Việt Nam, ông Valley đã từng là thành viên của Hạ viện bang Massachusetts⁹ (tương tự như một quan chức cỡ nhỏ ở một tỉnh của Việt Nam). Ngoài ra, ông ta có bằng M.P.A, có nghĩa là "Thạc sĩ về Hành chính Công cộng."¹⁰ Đây là một bằng cấp phổ biến ở Mỹ dành cho những người muốn làm việc tại các khu vực hành chính cấp địa phương hoặc ở tiểu bang. Nó không có ý nghĩa như trình độ Thạc sĩ về một lĩnh vực khoa học, và tất nhiên là còn kém xa Tiến sĩ (Ph.D.) hay là bằng Candidate của Liên Xô.

Trợ lý của Valley, ông Ben Wilkinson, còn có ít bằng cấp hơn nữa. Theo trang web của viện Ash thì trình độ của ông ta là đã tham gia các khoá học về lịch sử và ngôn ngữ Việt Nam hồi ông ta là sinh viên, và ông ta đã "học luật tại Trường Luật Harvard" (cách viết này có nghĩa là ông ta đã không hoàn thành khoá học và không có bằng luật học).

Nếu một người nào đó có một tấm bằng Thạc sĩ Hành chính Công cộng, hoặc đã từng theo các khoá học đại học về lịch sử và ngôn ngữ Việt Nam thì liệu anh ta có đủ trình độ để chỉ bảo cho chính phủ Việt Nam nên làm gì hay không? Liệu anh ta có đủ tư cách để đưa ra các phán xét tiêu cực về các nhà khoa học và các quan chức đã từng theo học ở các nước xã hội chủ nghĩa hay không?

Liệu một người với trình độ như ông Valley hoặc ông Wilkinson có thể được chính phủ Hoa Kỳ mời làm chuyên gia tư vấn về cải cách giáo dục bậc cao hay không? Tất nhiên là không. Người ta sẽ coi họ là hoàn toàn không đủ trình độ, và sẽ không có ai muốn nghe ý kiến của họ về vấn đề này. Thế mà Viện Ash của Trường Harvard và chương trình học giả Fulbright của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ lại cử họ đến Việt Nam như là các "chuyên gia" về đào tạo bậc cao. Đây là một ví dụ của cái gọi là chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

Giọng điệu của bản báo cáo Valley mang tính chất trịnh thượng, ra vẻ quan trọng và dạy bảo. Các tác giả đã tự tin thái quá một cách sai lầm vào kiến thức cao cả của mình và tỏ ra chế nhạo, coi thường các cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học cũng như các nhà lãnh đạo của Việt Nam. Dù cho Mc George Bundy và Samuel Huntington đã chết thì thói kiêu căng kiêu thực dân mới mà họ đã từng thể hiện vẫn còn tồn tại ở các tổ chức có liên quan tới Harvard như Viện Ash này.

4. Tuyên truyền chính trị

Số đông các sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học từ khắp nơi trên thế giới, trong đó có cả Việt Nam, đến Mỹ để tham gia vào các chương trình Ph.D. trong các ngành khoa học tại các trường đại học nghiên cứu lớn. Không nên nhầm lẫn những chương trình này với một loại hình đào tạo khác thường được các tổ chức kiểu như Viện Ash thực hiện. Các chương trình của các tổ chức đó thường được tiến hành trong khoảng thời gian từ vài tháng cho tới hai năm, không phải tập

9 Massachusetts House of Representatives (ND)

10 Master of Public Administration (ND).

trung vào một lĩnh vực khoa học¹¹ nào, mà là “khoa học chính trị” hay “chính sách công cộng.” (từ “khoa học” trong các cụm từ như “khoa học chính trị” hay “khoa học xã hội” tất nhiên chẳng có nghĩa là chúng là các ngành khoa học.) Các sinh viên hay tu nghiệp sinh¹² (như thỉnh thoảng họ vẫn được gọi) học về những chủ thuyết chính trị và các học thuyết kinh tế nổi bật ở Mỹ, và họ được dạy rằng cách tiếp cận của người Mỹ trong việc giải quyết các vấn đề là tốt nhất và chúng nên được du nhập vào các quốc gia khác.

Báo cáo Valley cho rằng ở Việt Nam “25% chương trình giảng dạy đại học được dành cho các môn học mang nặng tính tuyên truyền chính trị.” Tuy nhiên, khi nhìn vào các chương trình về chính sách tại Viện Ash ở Harvard của ông Valley, người ta dễ có cảm giác rằng việc truyền bá chính trị chiếm tới 100%. (Có lẽ 100% thì hơi quá, nhưng chắc chắn rằng tỷ lệ các môn tuyên truyền về chính trị, tư tưởng vượt xa con số 25%.) Sự khác biệt giữa hai dạng tuyên truyền chính trị tại các trường đại học ở Việt Nam và tại viện Ash là ở chỗ một nơi thì tuyên truyền về chủ nghĩa xã hội còn nơi kia là chống chủ nghĩa xã hội. Ngay cả khi nhận định trong báo cáo Valley rằng sinh viên đại học ở Việt Nam đã lãng phí 25% thời gian của mình là đúng, thì nó vẫn còn tốt hơn là lãng phí hầu như 100% thời gian.

5. Đổi mới

Vào năm 1985 Chính phủ Việt Nam đã đưa ra một loạt chính sách cải tổ nền kinh tế và điều đó dẫn tới sự tăng trưởng kinh tế tốc độ cao trong nhiều năm, chất lượng cuộc sống của mọi người được nâng cao, và khu vực tư nhân phát triển rất mạnh. Trong cuốn sách *Random Curves*¹³ của mình, tôi đã cố gắng đưa ra một cách nhìn cân bằng về ảnh hưởng của *đổi mới*.

...Những thay đổi này có ảnh hưởng cả tốt lẫn xấu. Hầu hết người Việt Nam có một cuộc sống vật chất tốt hơn ... Mặt khác, bất bình đẳng kinh tế trở nên rõ rệt hơn trước, và một tầng lớp người “vô-sản” đã xuất hiện. Ngoài ra, xét về nhiều khía cạnh thì khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam được hưởng mức thuế ít hơn và cũng ít bị ràng buộc bởi các định chế hơn so với ở Mỹ hay ở các nước tư bản khác.

Trong một lần nói chuyện về vấn đề này với Bà Nguyễn Thị Bình – khi đó là Phó Chủ tịch nước - tôi đã nhận xét rằng nếu hiểu theo nghĩa này thì Việt Nam còn kém xã hội chủ nghĩa hơn cả nước Mỹ! Trong cuốn sách của mình, tôi đã đưa ra một ví dụ để minh họa cho cách hành xử tồi tệ của các công ty tư nhân ở Việt Nam, điều không bao giờ được chấp nhận ở hầu hết các nước tư bản tiên tiến:

Ví dụ, vào năm 2003 chúng tôi để ý thấy có một tờ quảng cáo tuyển nhân viên của khách sạn Caravelle, đăng trên tờ báo tiếng Anh Vietnam News. Mẫu quảng cáo này tuyển nhân viên nam giới cho các công việc kỹ thuật và tuyển nhân viên nữ cho các công việc phục vụ phòng. Những quảng cáo có

11 Scientific subject – Trong tiếng Anh, science hay scientist được hiểu là để chỉ các ngành khoa học tự nhiên, các nhà khoa học tự nhiên chứ không phải là các ngành thuộc về khoa học xã hội và nhân văn.

12 “fellows” (ND)

13 N. Koblitz, *Random Curves: Journeys of a Mathematician*, Springer-Verlag 2007. Chương 9 và 10 được dành cho Việt Nam.

tính chất phân biệt nam nữ như vậy là không hợp pháp ở Mỹ và ở hầu hết các nước Châu Âu.

Hơn nữa, đã có nhiều trường hợp những ông chủ là người Mỹ, người Hàn Quốc hay Nhật Bản quấy rối tình dục công nhân nữ Việt Nam, những người phụ nữ này hoàn toàn bất lực và người ta cũng chẳng có hành động gì để xử phạt những kẻ quấy rối tình dục đó.

Cũng giống như ở các nước khác, chính sách mở cửa có mặt trái của nó. Những người đã từng nghiên cứu về các mối quan hệ phức tạp giữa các nước giàu có và các nước Thế giới Thứ Ba thường hay nói về vấn đề “dumping”. Điều này có nghĩa là nhiều công ty đa quốc gia thường xuyên bán các sản phẩm chất lượng thấp hoặc có lỗi cho các nước Thế giới Thứ Ba - ví dụ, các loại thuốc quá hạn sử dụng hoặc không được kiểm nghiệm và vì vậy không thể bán được ở Mỹ. Nạn dumping cũng được mở rộng tới cả lĩnh vực văn hóa. Ví dụ như, các phim Mỹ thường được chiếu ở Việt Nam (và làm cản trở nền công nghiệp điện ảnh Việt Nam) thường là những bộ phim kém chất lượng nhất của Hollywood - những bộ phim Mỹ có chất lượng tốt hiếm khi được nhập về.

Tương tự như vậy, hầu hết các trường của Mỹ đặt chi nhánh ở Việt Nam đều là những trường có chất lượng thấp. Ví dụ, một bài báo¹⁴ mà tôi đọc được trên một tờ báo của Mỹ nói tới việc Trường cao đẳng Cộng đồng Houston¹⁵ có một chi nhánh rất phát đạt ở Thành phố Hồ Chí Minh. Không một người nào ở Mỹ coi Trường Cao đẳng Cộng đồng Houston là một trường có địa vị học thuật nghiêm túc. Vì vậy, điều này cũng có thể được xem là một hình thức dumping. Và cũng có thể nói rằng việc gửi những người không có khả năng sang Việt Nam làm "chuyên gia" về giáo dục bậc cao cũng là một dạng dumping.

Một mặt trái khác của chính sách mở cửa là sự gia tăng của chủ nghĩa thực dụng trong thế hệ trẻ - một hiện tượng cũng thấy ở Trung Quốc, Ấn Độ và một vài nơi khác. Tôi đã viết trong cuốn *Random Curves*,

Những người làm khoa học ở Việt Nam thường than phiền rằng ngày càng ít các bạn trẻ muốn theo đuổi các lĩnh vực khoa học cơ bản. Đã có hiện tượng "bạc tóc" ở các cơ quan khoa học ... Người Việt Nam có truyền thống coi trọng việc học hành... Nhưng với sự tác động mạnh mẽ của các hệ thống giá trị được du nhập từ các nước tư bản, những công việc lao động trí óc không cạnh tranh nổi với các ngành nghề khác có thu nhập tốt hơn.

Thậm chí cả các bạn trẻ đã rất thành công trong các cuộc thi Olympic Toán học Thế giới cũng thường không chọn nghề làm toán hoặc các lĩnh vực hoạt động sáng tạo khác trong khoa học và công nghệ.

Mặc dù việc đấu tranh chống lại những ảnh hưởng tiêu cực tới giới trẻ là khó khăn, nhưng cũng không phải là hoàn toàn bó tay. Đã có nhiều nỗ lực thành công ở nhiều nơi trên thế giới. Ở Ấn Độ, một số nhà toán học hàng đầu đã tham gia giảng dạy trong các chương trình mùa hè về toán học được chính phủ tài trợ dành cho các học sinh cả nam và nữ đã đạt được kết quả

14 M.A. Overland, American college raise the flag in Vietnam, *The Chronicle of Higher Education*, 15/05/2009, pp. A1, 22-24

15 Houston Community College (ND)

tốt trong các kỳ thi Ôlimpíc. Mục đích của các chương trình này không phải chỉ để dạy toán, mà còn nhằm chuyển tải vẻ đẹp và sự hấp dẫn của nghiên cứu toán học. Ở Mỹ, Hiệp hội các nhà Toán học Nữ tổ chức "ngày Kovalévskaja" tại các trường trung học ở nhiều nơi trên nước Mỹ. Tại những buổi gặp gỡ này, các nhà nghiên cứu nữ nói chuyện với các em gái về rất nhiều công việc có sử dụng đến toán học. Một sáng kiến khác tỏ ra rất thành công là một chương trình được chính phủ tài trợ mang tên "Kinh nghiệm nghiên cứu ở bậc đại học"¹⁶ (REU), được tổ chức vào mùa hè tại nhiều trường đại học, trong đó có trường của tôi. Các giáo sư phụ trách REU cố gắng đem lại cho các sinh viên những cảm giác ban đầu của công việc nghiên cứu toán học.

6. Giáo dục bậc cao ở Mỹ

6.1. Sự xuống cấp về kiến thức cơ bản của sinh viên

So với hầu hết các trường ở Mỹ, trường của tôi thu hút được nhiều sinh viên khá. Đại học Washington (U.W.) là trường đại học hàng đầu ở vùng tây bắc, và hầu hết sinh viên học toán và khoa học tại U.W. đều nằm trong nhóm 20% dẫn đầu ở trung học. Vì nạn "lạm phát điểm số"¹⁷ và "ngu hoá"¹⁸, nhiều sinh viên thường quen với việc có điểm số cao mà lại chỉ tốn rất ít công sức.

Trong thời gian từ 20 hoặc 25 năm trở lại đây, mức độ chuẩn bị của sinh viên khi nhập trường ngày càng đi xuống. Lần đầu tiên tôi nhận ra điều này là khi một sinh viên đang theo học môn giải tích dành cho năm thứ nhất của tôi đã than phiền với bộ phận hành chính về tôi. Cô ta nói rằng tôi dạy quá khó, và để chứng minh, cô ta chỉ ra rằng để trả lời cho một câu hỏi trong một bài kiểm tra của tôi, sinh viên phải nhớ được công thức tính diện tích hình tròn.

Một vài năm trước, một đồng nghiệp của tôi, Giáo sư Khí tượng học Cliff Mass đã hết sức thất vọng khi thấy sinh viên của mình không thể hiểu được những kiến thức toán học mà ông sử dụng trong môn học nhập môn của mình. Để tìm hiểu những lỗ hổng trong kiến thức chuẩn bị về toán của họ, ông đã ra một bài "kiểm tra chất lượng" về toán cơ bản. Sau đây là ba câu hỏi điển hình trong bài kiểm tra này cùng với tỷ lệ sinh viên trả lời sai:

- (1) Chia 25×10^8 cho 5×10^{-5} . (63% trả lời sai.)
- (2) Diện tích của hình tròn bán kính r bằng bao nhiêu? (31% trả lời sai.)
- (3) Cho $y = x/(1-x)$, hãy tìm x theo biến y . (86% trả lời sai.)

Để có thể so sánh, sẽ rất lý thú nếu như biết được có bao nhiêu phần trăm sinh viên Việt Nam sẽ không thể trả lời được các câu hỏi trên?

6.2. Chi phí cao và tệ quan liêu

Chi phí cho giáo dục bậc cao ở Mỹ còn tăng nhanh hơn cả lạm phát và nhanh hơn cả mức thu nhập gia đình. Tại nhiều trường đại học tư hiện nay, tính trung bình mỗi năm sinh viên phải chi

16 Research Experiences for Undergraduates (ND).

17 Grade inflation - Xu hướng các giáo viên Mỹ cho điểm sinh viên cao hơn ngày trước dù với cùng mức công việc được giao. Nạn lạm phát điểm số xuất hiện trầm trọng nhất ở các trường trung học và lan rộng sang cả các cấp đại học trong hầu hết các trường đại học, đặc biệt là các trường phi khoa học.

18 Dumbing down - Việc làm cho các môn học ở các trường phổ thông và đại học ở Mỹ trở nên ngày càng dễ hơn, thông thường là bằng cách bỏ qua các ví dụ khó và trong các bài kiểm tra có ít các bài tập phức tạp hơn.

trả cho các khoản: học phí, lệ phí, tiền thuê nhà, tiền ăn là vào khoảng 50.000 USD. (Tại các trường công lập thì phí tổn ước chừng vào khoảng một nửa số đó.) Đã có nhiều tranh luận về vấn đề này trên báo chí Mỹ.

Một nguyên nhân của tình trạng gia tăng chi phí là các trường đại học cung cấp cho sinh viên nhiều dịch vụ hơn trước đây. Ví dụ, so với các sinh viên ở các thế hệ trước, sinh viên thời nay dường như cần sự giúp đỡ về sức khỏe và tâm lý nhiều hơn. Nhiều người trong số họ lạm dụng các loại thuốc gây nghiện, các hoá chất chống dị ứng, thuốc tránh thai, và đặc biệt là các dược phẩm điều trị tâm lý như các loại thuốc giảm đau và thuốc giảm cường độ hoạt động¹⁹ - và những cuộc rệu rã say sưa (một dạng của chứng nghiện rượu) cũng là một vấn đề lớn.

Một lý do khác nữa là sự nở rộ như bệnh ung thư của hệ thống hành chính quan liêu, điều mà tôi cũng đã đề cập trong bài bình luận về bản báo cáo của Viện Hàn Lâm Quốc gia Hoa Kỳ. Đội ngũ cán bộ hành chính trong các trường đại học thường đông đảo như đội ngũ giảng viên, và có nhiều toà nhà chỉ dành cho các phòng hành chính. Các cán bộ hành chính này mất quá nhiều thời gian cho các cuộc họp vô bổ, các hội nghị đất đò không cần thiết, và họ xuất bản một khối lượng khổng lồ những ấn phẩm không có giá trị mà hầu như chẳng ai thèm đọc.

Do những yếu tố tổng hợp liên quan đến vấn đề cá nhân, áp lực tài chính, và sự chuẩn bị nghèo nàn về toán học và các lĩnh vực khác, hầu như một nửa số sinh viên đăng ký các trường có chương trình đào tạo 4 năm đã không thể hoàn thành khoá học của mình trong bốn, năm, thậm chí là sáu năm.²⁰ Điều này khiến cho nhiều nhà bình luận của Mỹ nói rằng giáo dục bậc cao ở Mỹ là rất không hiệu quả và quá đắt đỏ.

6.3. Làm thế nào mà nước Mỹ vẫn tạo ra được những sản phẩm khoa học tốt

Khi các nhà khoa học và toán học đến thăm và giảng dạy tại Mỹ trong vòng một năm, họ thường bị sốc vì trình độ rất thấp của sinh viên ở đây. Họ thường tự hỏi vì sao mà một nước có nền giáo dục yếu kém như thế này lại có thể vẫn duy trì một nền khoa học hàng đầu thế giới? Nước Mỹ luôn nắm giữ những kỹ thuật hiện đại nhất trong hầu hết các ngành kỹ thuật cao, vẫn có những chương trình sau đại học về các ngành khoa học tốt nhất thế giới, và vẫn đạt được rất nhiều giải Nobel. Thoạt nhìn, điều này đúng là một nghịch lý.

Có hai lý do giải thích vì sao nước Mỹ vẫn sản sinh ra các nhà khoa học hàng đầu thế giới:

- Nước Mỹ là một quốc gia rộng lớn và giàu có, với một hệ thống giáo dục hoàn toàn phi tập trung. Sự đa dạng về chất lượng là rất lớn. Có một thiểu số các trường công lập và trường tư có chất lượng rất cao. Giả sử rằng 98% người Mỹ được hưởng một nền giáo dục không đầy đủ trong các ngành khoa học, thì vẫn còn 2% nhận được một nền giáo dục tầm cỡ thế giới. Con số 2% đó cũng đủ để cung cấp cho đất nước hàng trăm nghìn kỹ sư và các nhà khoa học.

¹⁹ anti-hyperactivity (ND).

²⁰ Theo tờ *The Chronicle of Higher Education* (24/08/12009), trong số các sinh viên hệ 4 năm nhập học năm 2001, chỉ có 56.1% tốt nghiệp vào năm 2007.

- Nước Mỹ hưởng lợi rất nhiều từ phong trào nhập cư. Tình trạng "chảy máu chất xám"²¹ từ các quốc gia khác cung cấp đều đặn cho nước Mỹ một số lượng phong phú các nhà khoa học và kỹ sư. Trong nhiều ngành khoa học, hơn một nửa các luận án Tiến sĩ chất lượng hàng đầu được viết bởi các sinh viên sau đại học đã từng học tập tại các trường bậc thấp hơn ở các quốc gia khác.

Đối với các quốc gia khác, có thể rút ra nhiều bài học từ những thành công cũng như thất bại của nền giáo dục khoa học ở Mỹ. Tuy nhiên, không một người có tri thức nào lại có thể khẳng định rằng nhìn chung hệ thống đào tạo trung học và đại học của Mỹ là một mô hình tốt và đáng để các quốc gia khác noi theo.

7. Về ý tưởng một trường đại học mới do người Mỹ dựng lên

Báo cáo Vallyely có kèm theo một phụ lục bài viết của Giáo sư Hoàng Tụy, trong đó ông ủng hộ ý tưởng xây dựng một trường đại học mới, do nhà nước tài trợ, dựa trên mô hình của Mỹ, và do người Mỹ thiết kế.

Tôi đặc biệt ngưỡng mộ và kính trọng Hoàng Tụy (và đã viết về điều này trong *Random Curves*), nhưng tôi không phải là đồng ý với ông về mọi điểm. Chẳng hạn như khi tôi phỏng vấn ông khoảng 20 năm trước cho tờ *The Mathematical Intelligencer*, ông và một vài nhà toán học có tiếng khác có vẻ rất thích thú với một trường đại học mới là đại học Thăng Long, và cho rằng những đại học tư như thế sẽ trở thành kiểu mẫu cho giáo dục bậc cao ở Việt Nam. Tôi không bao giờ tin điều này sẽ xảy ra. Tôi biết nhiều trường đại học tư ở các nước thế giới thứ ba khác, và tôi không tin rằng "tư nhân hóa" sẽ là một lời giải cho những khó khăn của Việt Nam (hay của nước khác) trong giáo dục bậc cao. Bây giờ thì rõ ràng là tôi đã đúng về điểm này. Các "đại học" tư, kể cả Thăng Long, không phải là các đại học thực thụ mà chỉ là những trường dạy nghề với một vài hình thức đào tạo trên phổ thông.²²

Cũng tương tự như thế, tôi cho rằng Hoàng Tụy và nhiều người khác đã sai lầm khi cho rằng một trường đại học được xây dựng hoàn toàn mới theo thiết kế của một nhóm các trường đại học của Mỹ sẽ là một mô hình thành công trong giáo dục bậc cao ở Việt Nam. Có nước nào trên thế giới mà điều này đã xảy ra không? Có một vài nước, chủ yếu là ở vùng Trung Đông, là có các trường đại học do người Mỹ xây dựng, nhưng theo tôi được biết thì những trường này chỉ đào tạo các con em tầng lớp thượng lưu và không có nhiều ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục ở các quốc gia đó.

Một điểm quan trọng trong bản kiến nghị về một trường đại học mới kiểu Mỹ ở Việt Nam là nó sẽ không lấy kinh phí từ nguồn của Mỹ. Như thế, nó sẽ là một khoản chi rất lớn đối với chính phủ Việt Nam. Như trong bản báo cáo Vallyely đã viết: "Nói một cách thẳng thừng là Việt Nam phải chấp nhận chi tiền." Và mỗi đồng đô la mà Việt Nam trả cho một hiệp hội của Mỹ có nghĩa là nhà nước sẽ có ít tiền hơn để cải tổ các trường đại học hiện có.

Nhìn sang các nước khác để học tập các ý tưởng để cải cách là một việc làm hoàn toàn xác đáng. Có một số điều ở nước Mỹ được thực hiện tốt - như tôi đã từng đề cập đến trong

21 "brain drain" (ND).

22 Post-secondary (ND)

những lần sang thăm Việt Nam. Ví dụ, ở Mỹ thì việc giảng dạy và nghiên cứu được gắn kết với nhau tốt hơn so với đa số các nước khác. (Tôi đã trình bày về điều này từ năm 1983, trong một bản báo cáo mà tôi đã viết cho các nhà lãnh đạo Việt Nam về giáo dục và khoa học.) Nhưng Việt Nam không nên tôn sùng nước Mỹ (hay bất cứ quốc gia nào khác). Cần phải hiểu rằng có rất nhiều thất bại trong hệ thống Mỹ. Và một số nước khác, như Ấn Độ, Trung Quốc, hay Nhật Bản - lại là những nguồn ý tưởng và cảm hứng hay hơn nhiều trong một số khía cạnh của giáo dục.

8. Thị trường việc làm

Bản báo cáo Vallely khẳng định rằng “có đến khoảng 50% sinh viên tốt nghiệp không thể tìm được việc làm trong lĩnh vực chuyên môn của mình,” và dùng điều này như là một bằng chứng về sự kém hiệu quả của chương trình đào tạo ở Việt Nam. Tuy nhiên, đây không phải là kết luận đúng đắn rút ra được từ con số thống kê này. Ở Việt Nam, cũng như ở nhiều nước Thế giới Thứ Ba khác, vấn đề là ở chỗ khu vực tư nhân không đạt được đến mức độ có khả năng thu nhận một số lượng lớn các nhà khoa học và kỹ sư tài năng (và ở khu vực nhà nước thì điều này lại bị giới hạn bởi những lý do về tài chính).

Đã nhiều năm nay tôi thường xuyên đến Peru, một quốc gia cũng không có khả năng cung cấp công ăn việc làm cho các sinh viên tốt nghiệp đúng với chuyên môn của họ. Một khách du lịch ở Peru rất có thể sẽ gặp một người lái taxi hay một hướng dẫn viên du lịch rất có học! Khách du lịch tất nhiên sẽ thích điều này, nhưng đây lại là một bi kịch đối với quốc gia đó. Lý do vì sao rất nhiều người Peru có bằng cấp cao nhưng lại làm các công việc thậm chí không cần đến trình độ đại học không phải là do các trường đại học của Peru quá kém cỏi trong công tác đào tạo họ, mà là vì nền kinh tế chưa đủ sức để có thể thu nhận họ. Peru, giống như Việt Nam, chưa có một khu vực tư nhân sống động. Và ở Peru, cũng như ở nhiều quốc gia khác, chính phủ đang phải chịu một sức ép rất lớn phải giảm bớt khu vực nhà nước, nơi phần lớn những người làm việc trong các ngành khoa học ăn lương (sự cắt giảm trong khu vực nhà nước thường là một trong những điều kiện mà Ngân Hàng Thế Giới hay Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế yêu cầu).

Ngay cả khi một quốc gia có một khu vực kinh tế tư nhân giàu sáng tạo với rất nhiều việc làm dành cho các nhà khoa học và kỹ sư, cũng cần phải có những cố gắng đặc biệt để đảm bảo cho các sinh viên tốt nghiệp đại học có một bước chuyển tiếp trơn tru ra thị trường nhân lực. Một trường đại học đã có rất nhiều thành công trong việc này là đại học Waterloo (thường được gọi là “MIT của Canada”), nơi mà khái niệm “thực tập sinh”²³ được đưa ra lần đầu tiên từ gần nửa thế kỷ trước. Các sinh viên Waterloo mất 5 năm chứ không phải 4 năm đại học để tốt nghiệp vì họ dành một phần không nhỏ thời gian trong các năm đó để làm các công việc tạm thời, thường là các khu vực Nghiên cứu và Phát triển (R&D) tại các công ty công nghệ cao. Tất nhiên là một chương trình thực tập như vậy chỉ có thể thực hiện được vì khu vực Toronto, nơi đại học Waterloo đặt địa điểm, có rất nhiều công ty như vậy.

8.1. Tính chất của khu vực tư nhân

Bản báo cáo Vallely sử dụng khái niệm “chỉ số sáng tạo” để chỉ bằng các bằng sáng chế được cấp năm 2006, và nó sử dụng việc thiếu vắng các bằng sáng chế được cấp cho Việt Nam như là

23 internship

một bằng chứng cho “chất lượng kém cỏi” của giáo dục bậc cao. Điều này là một sự nhầm lẫn tai hại.

Mục đích của bằng sáng chế là bảo vệ sự sáng tạo trong khu vực tư nhân, nói rõ hơn, là để đảm bảo cho các công ty thu được lợi nhuận từ những cải tiến mà các nhà nghiên cứu của họ đề xuất. Thông thường thì nghiên cứu trong khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng tại các trường đại học và tại các viện nghiên cứu của chính phủ không dẫn đến các bằng sáng chế, dù tính sáng tạo của nó ở mức độ nào chẳng nữa.²⁴ Do đó, việc thiếu vắng những bằng sáng chế ở Việt Nam là một hệ quả, không phải của một sự thất bại trong hệ thống đại học, mà là chất lượng thấp của khu vực tư nhân.

Như đã chỉ ra trong báo cáo Valley, Hàn Quốc có rất nhiều bằng sáng chế. Lý do là vì nền công nghiệp Hàn Quốc đã phát triển ở mức độ cao, với nhiều tên tuổi lớn trên thế giới có khả năng cạnh tranh trong các ngành công nghiệp điện tử, xe hơi - và những công ty đặt tại quốc gia đó có mạng lưới R&D dày đặc.

Ngược lại, Việt Nam, cũng như nhiều nước thuộc Thế Giới Thứ Ba khác, không có một công ty quan trọng nào đi đầu trong các sáng tạo kỹ thuật. Và các chi nhánh tại Việt Nam của các công ty đa quốc gia chỉ tham gia vào các lĩnh vực sản xuất, phân phối và các hoạt động liên quan chứ không phải là phát triển sáng tạo kỹ thuật mới.

8.2. Intel

Trong một mục có tiêu đề là “Mức độ khủng hoảng,” bản báo cáo Valley khẳng định rằng kinh nghiệm của Intel trong việc tuyển người tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy “chất lượng tồi tệ của giáo dục đại học.” Bản báo cáo cũng dẫn các kết quả của một bài kiểm tra trắc nghiệm của 2000 sinh viên ở Thành Phố Hồ Chí Minh và dẫn lời một ai đó tại Intel như sau:

Intel xác nhận rằng đây là kết quả tồi tệ nhất mà họ đã gặp phải tại tất cả các quốc gia mà họ đã đầu tư. Các nhà đầu tư Việt Nam và quốc tế thường dẫn việc thiếu hụt công nhân và lực lượng quản lý có trình độ là rào cản lớn đối với sự mở rộng của họ.

Chúng ta hãy cùng tìm hiểu xem liệu báo cáo Valley có mô tả chính xác những gì mà Intel đã trải qua hay không và đi đến kết luận thích ứng.

8.2.1. Hoạt động của Intel tại Việt Nam

Trên trang web của mình, Intel công bố rằng các cơ sở được mở rộng đã được hoạch định trước ở Việt Nam sẽ hoạt động trong bốn lĩnh vực: sản xuất, kiểm nghiệm, bán hàng và marketing. Một biểu đồ trong Báo Cáo Trách Nhiệm Công Ty năm 2008 của Intel cho thấy là vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2008, Intel đã có cơ sở hoạt động với trên 50 nhân viên tại mười hai nước Thế

²⁴ Tại Mỹ, trong những năm gần đây, những người quản lý tại các trường đại học liên tục yêu cầu các giáo sư trong các lĩnh vực ứng dụng lấy bằng sáng chế. Nếu như những bằng sáng chế này có lợi nhuận thì trường sẽ được hưởng một phần không nhỏ. Tuy nhiên, chỉ mãi đến gần đây thì mới có nhiều giáo sư đại học có bằng sáng chế, và ngay cả tại thời điểm hiện tại thì đa số các nhà khoa học ở các trường đại học chưa bao giờ có một bằng sáng chế nào. Ví dụ như mặc dù đã làm việc trong lĩnh vực mật mã học từ 25 năm nay, tôi không có một bằng sáng chế nào.

Giới Thứ Ba, trong đó có Việt Nam. Theo biểu đồ này thì Intel có các cơ sở R&D tại bốn nước trong số đó (Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia, và Philippines).

Những công nhân có trình độ cao hoặc kém hơn một chút tại Việt Nam của Intel sẽ làm việc tại các dây chuyền sản xuất, thực hiện các giao thức kiểm nghiệm sản phẩm, và cố gắng tăng sức mua các sản phẩm của Intel trong nước. Ngoài ra, Intel cần nhân công có trình độ trong các công việc thư ký và quản lý (đôi khi được gọi là “kỹ năng mềm”) để giải quyết các công việc hành chính và quản lý nhân viên Việt Nam. Đối với những mục đích như vậy thì chỉ cần một hai năm học tại một trong những trường dạy nghề tư đang nở rộ tại Thành phố Hồ Chí Minh là đủ; không có một điều gì trong mô tả công việc đòi hỏi đến bằng đại học 4 năm. Nói riêng, chi nhánh tại Việt Nam của công ty không cần đến các kỹ sư hay các nhà khoa học sáng tạo vì nó không có R&D.

Trong những lần đầu khi tôi đến thăm Việt Nam vào năm 1978 và những năm 1980, tôi thường cảm thấy hết sức kinh ngạc trước sự khéo léo của các tài xế và thợ máy Việt Nam, họ có thể sửa chữa và bảo trì những chiếc xe cũ nát của Mỹ từ thời chiếm đóng. Có vẻ như những kỹ năng, sự thông minh, và đôi khi là sự sáng tạo thể hiện khi sửa chữa xe hơi hay tại các cửa hàng sửa chữa xe đạp trong những năm tháng đó vượt quá những gì mà Intel mong đợi từ những nhân viên Việt Nam của mình. Những người này chỉ được yêu cầu phải theo đúng những công đoạn thực hiện mà những nhân viên Mỹ đã vạch ra. Người ta không yêu cầu họ phải sáng tạo.²⁵ Vì thế, không thể đưa ra những kết luận hợp logic nào về chất lượng của các trường đại học đào tạo 4 năm của Việt Nam từ sự thành công hay thất bại của Intel trong công tác tuyển dụng nhằm thỏa mãn mục tiêu của họ.

8.2.2. Trả lời của Intel về bản báo cáo Vallely

Được sự giúp đỡ của một người đồng nghiệp, hiện đang là một nghiên cứu viên có thâm niên trong lĩnh vực mật mã tại Intel, tôi đã tiếp cận được với một số người tại Intel có hiểu biết về hoạt động của công ty tại Việt Nam. Tôi đã đề nghị họ đọc những phát biểu về Intel trong bản báo cáo Vallely và trả lời. Dưới đây là phát biểu của Intel:²⁶

Mục tiêu của Intel là phối hợp với chính phủ Việt Nam, các trường đại học, và ngành kinh doanh khác để phát triển một đội ngũ nhân công kỹ thuật cao có chất lượng quốc tế. Đây không phải là điều mà chúng tôi có thể hay muốn làm một cách đơn độc, lại càng không phải là một việc có thể xảy ra ngay lập tức. Nó cần phải có được sự hỗ trợ và đóng góp của tất cả các bên có liên quan. Từ khi chúng tôi bắt đầu hoạt động tích cực ở Việt Nam, chúng tôi đã có được một định hướng tích cực.

25 Trong bản quảng cáo dành cho nhân viên tương lai, Intel Việt Nam đôi khi tỏ ra mập mờ về tính chất công việc. Trên trang Facebook “Việc làm tại Intel Việt Nam”, chúng ta đọc được “Tại Intel, bạn sẽ có được những cơ hội để khẳng định trí tuệ của mình khi làm việc, phát triển và sáng tạo cùng với những nhân viên giỏi nhất trên thế giới tại một môi trường làm việc sáng tạo và có tính chất quốc tế.” Chú ý rằng từ “sáng tạo” được sử dụng đến hai lần trong cùng một câu. Tuy nhiên, từ các thông tin trên chính trang web của Intel về những hoạt động dự kiến của nó ở Việt Nam, rõ ràng là câu nói trên tỏ ra vô nghĩa.

26 Email đề ngày 2 tháng 10, 2009 của Gail Dundas từ Nhóm Liên Lạc Toàn Cầu của Công ty Intel – Intel Corporation Global Communications Group.

Intel muốn xây dựng một nhà máy kiểm nghiệm dây chuyền bán dẫn lớn nhất thế giới tại Việt Nam. Trong thời gian gần đây, chúng tôi đã có được một số thành công trong việc tuyển dụng sinh viên kỹ thuật. Từ khi chúng tôi bắt đầu đánh giá khả năng của sinh viên, họ đã chứng tỏ được khả năng tiếp thu tiếng Anh tốt hơn, và những kỹ năng mềm của họ đã có tiến bộ. Khi Intel thông báo các yêu cầu của mình, sinh viên và các trường đại học đã có những đáp ứng có tính xây dựng. Chúng tôi còn cả một chặng đường, nhưng những tiến bộ gần đây là đáng kể.

Khi tiếp tục đi trên con đường này cùng với các thành viên đối tác, và khi các trường đại học và chính phủ và giới kinh doanh tập trung vào các ứng dụng cụ thể của kỹ năng kỹ thuật, chúng tôi tin rằng lực lượng nhân công kỹ thuật cao của Việt Nam sẽ có sức cạnh tranh ở mức độ toàn cầu.

Phát biểu của Intel không ủng hộ cho cái gọi là các trường đại học Việt Nam đang khủng hoảng, hay cần phải có những thay đổi mạnh mẽ trong việc quản lý. Báo cáo Valley rõ ràng là đã xuyên tạc và bóp méo những kinh nghiệm của Intel để phục vụ cho mục tiêu chính trị của mình.

9. Học tập ở nước ngoài

Bản báo cáo Valley khẳng định rằng do chất lượng học tập ở bậc đại học kém nên “Các sinh viên Việt Nam thường không thể cạnh tranh [với] các sinh viên đến từ Ấn Độ và Trung Quốc ... khi đăng ký vào các chương trình cao học có chất lượng cao tại Mỹ và Châu Âu.” Nhưng nó không đưa ra được một bằng chứng nào để minh chứng cho khẳng định nói rằng các sinh viên Việt Nam không đủ sức cạnh tranh.²⁷

Rất có thể là tại một vài trường đại học của Trung Quốc và Ấn Độ, các ứng viên của họ thành công hơn so với các ứng viên đến từ các nước thuộc Thế Giới Thứ Ba, bao gồm cả Việt Nam. Cả Trung Quốc và Ấn Độ đều có nhiều năm kinh nghiệm hơn trong việc gửi sinh viên của họ ra nước ngoài để tiếp tục học tập, và thường thì số ứng viên từ hai nước này cũng cao hơn rất nhiều. (Cũng cần nhắc lại rằng Trung Quốc và Ấn Độ chiếm khoảng 37% dân số thế giới; còn Việt Nam chỉ chiếm khoảng 1.28%.)

Trong trường hợp Việt Nam, có một hiện tượng đặc biệt có thể giúp giải thích phần nào cho sự ít ỏi của ứng viên so với một vài nước khác, tương tự như Việt Nam, có truyền thống đòi hỏi cao trong giáo dục toán học. Nhiều chương trình Ph.D. toán yêu cầu phải có điểm TOEFL rất cao. Lý do là vì tại các trường đại học của Mỹ, nguồn tài chính chủ yếu cho việc học tập sau đại học là làm trợ giảng cho các môn học nhập môn - một công việc đòi hỏi kiến thức Tiếng Anh giao tiếp rất vững vàng.

²⁷ Tôi là thành viên trong ban xét duyệt hồ sơ sinh viên sau đại học của khoa, với trách nhiệm phải đọc và đánh giá hàng trăm hồ sơ đăng ký vào chương trình Ph.D ngành toán của đại học Washington, Seattle. Trong hơn ba năm qua, chúng tôi đã có khoảng 6 ứng viên từ Việt Nam, trong đó có hai người được chấp nhận. Tỷ lệ được chấp nhận này tương tự như đối với các nước khác; ví dụ như khoảng một phần ba trong số 90 ứng viên Trung Quốc đăng ký trong cùng khoảng thời gian 3 năm nói trên được chấp nhận.

Thường thì các sinh viên từ Hà Nội có trình độ toán cao hơn, nhưng lại không có điểm TOEFL cao, trong khi đó thì đối với các sinh viên từ phía nam, điều ngược lại xảy ra. Tất nhiên là có nhiều ngoại lệ đối với khẳng định trên, nhưng nói chung thì khó tìm được một ứng viên Việt Nam đứng đầu cả về toán học và tiếng Anh.

Theo như tôi biết thì Việt Nam là nước duy nhất trên thế giới mà ở đó, nơi đào tạo khoa học tốt nhất và nơi giảng dạy tiếng Anh tốt nhất lại gần như hoàn toàn khác nhau. Ở Trung Quốc chẳng hạn, thì những nơi này là một. Còn đối với Ấn Độ thì vấn đề này không tồn tại vì tiếng Anh là ngôn ngữ của tầng lớp cao, và nó được dùng trong giảng dạy tại tất cả các trường đại học.

10. Một vài khuyến nghị

Nếu như tôi được đề nghị đóng góp một số lời khuyên cho chính phủ Việt Nam để nâng cao chất lượng giáo dục bậc cao, thì chúng sẽ khác hẳn những gì mà Viện Ash hay Viện Hàn Lâm Quốc Gia Hoa Kỳ đã đưa ra. Những khuyến nghị của tôi là như sau:

1. Tăng lương cho các giảng viên, giáo sư, và các nghiên cứu viên để có thể tiếp cận được với mức lương ở khu vực tư nhân.

2. Cấp học bổng cho sinh viên ở bậc cao học (Master) trong các ngành toán học và khoa học.

3. Cấp kinh phí cho các chương trình mùa hè dành cho các sinh viên tài năng (ví dụ như những sinh viên có kết quả tốt trong các kỳ thi Olympic toán).

4. Cấp kinh phí để xây dựng các chương trình đặc biệt dành cho nữ sinh, đặc biệt là tại các trường trung học và đại học, để khuyến khích nữ giới lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật. (Quỹ Kovalevskaja dành những phần thưởng cho các nhà khoa học nữ có thâm niên, nhưng lại không có một chương trình nào tương tự như vậy dành cho nữ giới ở những giai đoạn đầu).

5. Cấp kinh phí để xây dựng các chương trình đặc biệt dành cho các dân tộc thiểu số, để họ có thể tham gia trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật. Cả học sinh nữ lẫn các học sinh người dân tộc thiểu số đều cần được khuyến khích tham gia vào các hoạt động như các kỳ thi Olympic toán. (Vào năm 2007, Quỹ Kovalevskaja đã cấp kinh phí cho một cậu bé người dân tộc miền núi thiểu số ở Peru tham gia vào cuộc thi IMO tại Hà Nội, và cậu đã dành được huy chương bạc.)

6. Cố gắng vận động, gây ảnh hưởng đối với các công ty kỹ thuật cao đa quốc gia để xây dựng các cơ sở nghiên cứu và phát triển (không chỉ có các công việc kinh doanh, marketing, kiểm nghiệm và sản xuất) tại Việt Nam, để từ đó có thêm nhiều công việc đòi hỏi trình độ cao trong các khu vực tư nhân, tạo thêm cơ hội cho sự sáng tạo của các nhà khoa học trẻ Việt Nam. Hiện tại thì gần như tất cả các nghiên cứu khoa học đều chỉ do nhà nước hỗ trợ chứ không có sự tham gia của khu vực tư nhân. Nếu như Intel có thể xây dựng các cơ sở R&D tại Malaysia và Phillipines thì tại sao nó không thể làm như vậy tại Việt Nam?

7. Đưa ra một loại thuế mới đối với các công ty ở khu vực tư nhân - kể cả với các công ty đa quốc gia - để chi sử dụng vào các hoạt động của chính phủ nhằm hỗ trợ giáo dục và nghiên cứu khoa học.²⁸

8. Dùng phung phí tiền của chính phủ Việt Nam bằng cách chi trả cho các cái gọi là “chuyên gia” Hoa Kỳ, hay chi trả cho các trường đại học của Mỹ để họ dựng lên một đại học ở Việt Nam.

Mục đích của các khuyến nghị 7 và 8 là để cho chính phủ Việt Nam có thêm kinh phí từ các khuyến nghị 1, 2, 3, 4, 5. Khác với bản báo cáo Valley, cho rằng không cần thiết phải tăng thêm kinh phí tài trợ cho giáo dục bậc cao ở Việt Nam, tôi cho rằng một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục bậc cao chắc chắn PHẢI LÀ tài chính.

11. Kết luận

Một vài nhà bình luận Việt Nam mô tả tình trạng hiện nay bằng các ngôn từ của ngày tận thế, và tuyên bố rằng các vấn đề của giáo dục bậc cao đã trở nên trầm trọng đến mức cần phải có sự can thiệp từ phía bên ngoài - bởi những người nước ngoài - mới có thể dẫn đến cải cách. Một số thậm chí còn cho rằng vấn đề này chỉ có thể được giải quyết nếu như toàn bộ hệ thống kinh tế và chính trị được thay đổi - chắc với ý là bằng một mô hình tư bản phương tây nào đó.

Trong tiếng Anh, có một câu nói là: “Hãy coi chừng những ước muốn của mình.”²⁹ Lý do (thường không nói đến) là bởi vì “anh sẽ lĩnh đủ nó.”³⁰ Khi tôi ở Mátxcova vào những năm 1970 và 1980, tôi thấy rất nhiều trí thức đầu đàn của Liên Xô chán ghét hệ thống xã hội chủ nghĩa mà họ đang sống và chỉ muốn được thấy nó bị thay thế bởi một hình thức kiểu phương Tây cả về kinh tế và chính trị. Họ thường tỏ ra rất ngưỡng mộ Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, và họ không hiểu được những khó khăn và thất bại của hệ thống Mỹ.

Bây giờ thì họ đã lĩnh đủ những gì họ mong đợi - Hệ thống xã hội chủ nghĩa Xô Viết đã sụp đổ và được thay thế bởi một dạng thô sơ của chủ nghĩa tư bản. Nhưng những hệ lụy đối với nghiên cứu khoa học và giáo dục là hết sức tai hại. Nước Nga bây giờ không còn là nơi mà khoa học, toán học và giáo dục bậc cao có tầm cỡ thế giới. Gần đây, *Math Reviews*³¹ có nhờ tôi đọc nhận xét một bài báo đăng bằng tiếng Nga về mật mã (điều này rất hiếm xảy ra vì thời gian gần đây chẳng có gì được đăng bằng tiếng Nga cả). Danh sách các tài liệu trích dẫn trong bài đều là các bài báo đã cũ từ 15 năm trước - một điều rất lạ so với một ngành toán ứng dụng đang phát triển rất nhanh chóng - và “ý tưởng mới” của tác giả đã được phát triển và công bố từ cuối những năm 1990. Trình độ của tác giả giống như của một ai đó từ một nước Thế Giới Thứ Ba chậm phát triển. Một đất nước mà trước kia từng là đối thủ cạnh tranh khoa học của nước Mỹ thì ngày nay chỉ còn là một vũng nước đọng.

28 Một phương án khác với hình thức đánh thuế là một hệ thống các “người tài trợ tình nguyện” giống như những gì mà Viện Toán học Hà Nội sử dụng để thu thập kinh phí từ các thành viên của viện trở về từ các nước tư bản.

Tức là, với mỗi công ty, nhà nước sẽ tính toán một khoản tiền tương ứng mỗi năm, và công ty đó sẽ được yêu cầu phải thực hiện một khoản tài trợ tình nguyện cho phát triển khoa học và giáo dục. Số tiền yêu cầu và số tiền được tài trợ sẽ được công bố, và các công ty tài trợ đầy đủ số tiền sẽ nhận được nhiều thiện cảm và sự hợp tác cả ở các kênh chính thức cũng như không chính thức so với các công ty khác có số tiền tài trợ không đầy đủ.

29 Be careful what you wish for. (ND)

30 Because you might get it. (ND)

31 Một hệ thống điểm các bài báo chuyên ngành toán học của hội toán học Mỹ (ND)

Nhiều năm trước Hoàng Tụy đã giải thích cho tôi rằng khác với một vài quốc gia khác (chắc là ông đang nghĩ chủ yếu đến Trung Quốc), từ khi giành độc lập năm 1945, Việt Nam đã tránh được nhiều sự đổi hướng đột ngột - những thay đổi đã gây nên rất nhiều gian khổ ở các nơi khác trên thế giới. Người Việt Nam, theo quan sát của ông, thích những sự thay đổi vừa phải và thích giải quyết những bất đồng một cách êm thấm, sao cho không bên nào đàn áp hay làm nhục bên kia. Nếu như cái nhìn này về cách thực hiện cải cách ở Việt Nam vẫn còn chính xác thì có thể nâng cao chất lượng giáo dục bậc cao ở Việt Nam mà vẫn không đoạn tuyệt với hệ thống xã hội chủ nghĩa, không sỉ nhục những người được đào tạo tại Liên Xô hay các nước khối Đông Âu cũ, và không giao phó tương lai của Việt Nam cho những người được gọi là “chuyên gia” Mỹ.